CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCOM: HPI)

FireAnt

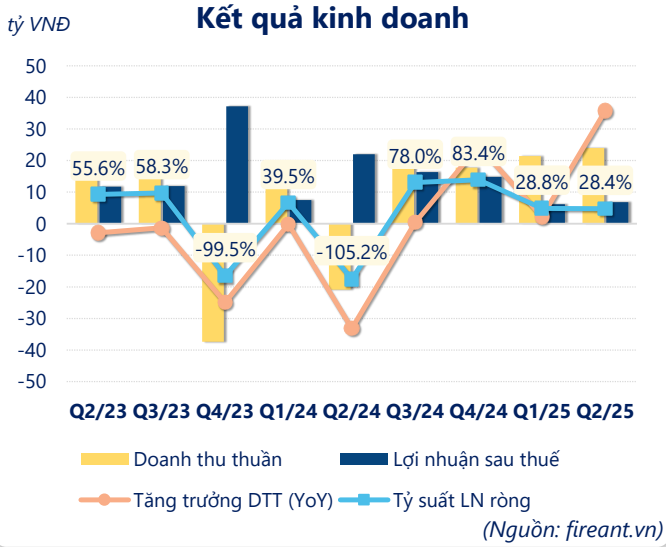
Ngày 30/06/2025	22,000 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	0%	7.3%	69.2%

ROE Q2/25: 10.6% | +/- YoY ▼ 11.7%

	Q2/25	QoQ	YoY
DT thuần	23.9 tỷ VNĐ	▲ 2.50 ▲ 11.8%	▲ 44.8 ▲ 214%
LN gộp	8.26 tỷ VNĐ	▼ 0.28 ▼ 3.3%	▼ 12.1 ▼ 59.5%
LN thuần	7.45 tỷ VNĐ	▼ 2.08 ▼ 21.9%	▼ 13.5 ▼ 64.4%
LN sau thuế	6.80 tỷ VNĐ	▲ 0.63 ▲ 10.3%	▼ 15.2 ▼ 69.1%

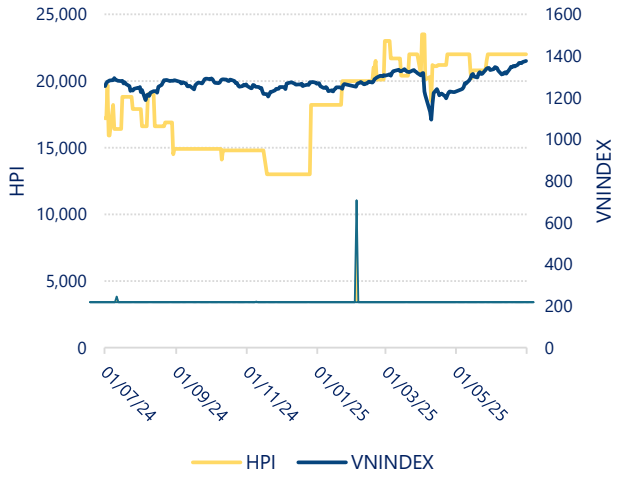
	6T 2025	YoY
DT thuần	45.4 tỷ VNĐ	▲ 47.4 ▲ 2406%
LN gộp	16.8 tỷ VNĐ	▼ 7.30 ▼ 30.3%
LN thuần	17.0 tỷ VNĐ	▼ 11.3 ▼ 40.0%
LN sau thuế	13.0 tỷ VNĐ	▼ 16.5 ▼ 55.9%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

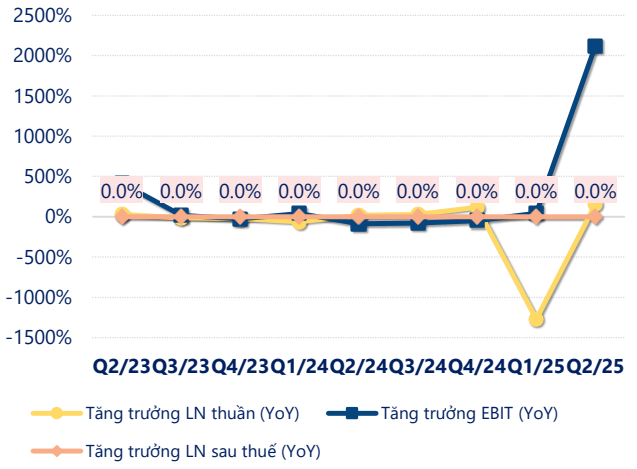
Lịch sử giá



CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCOM: HPI)

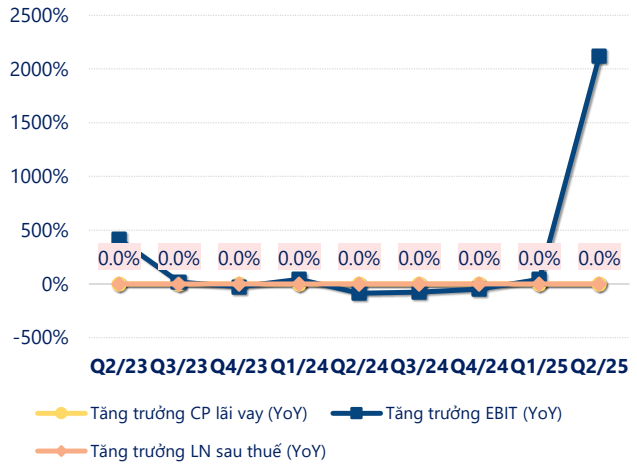
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



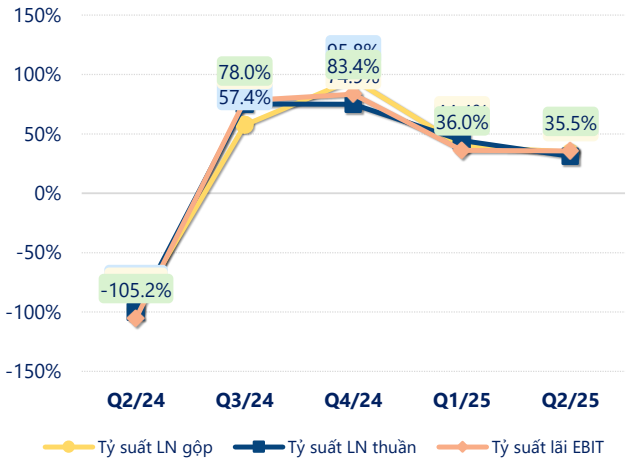
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



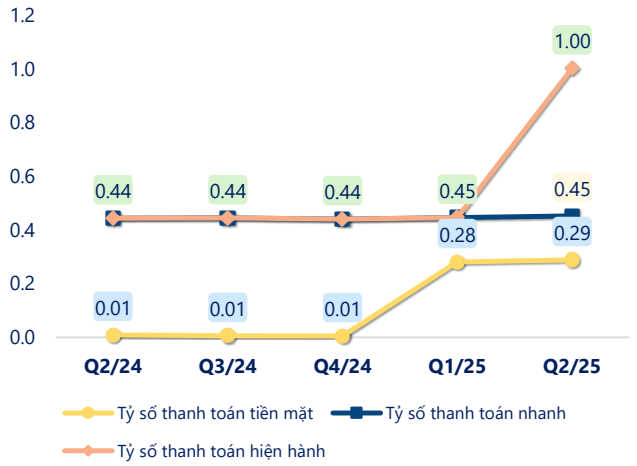
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



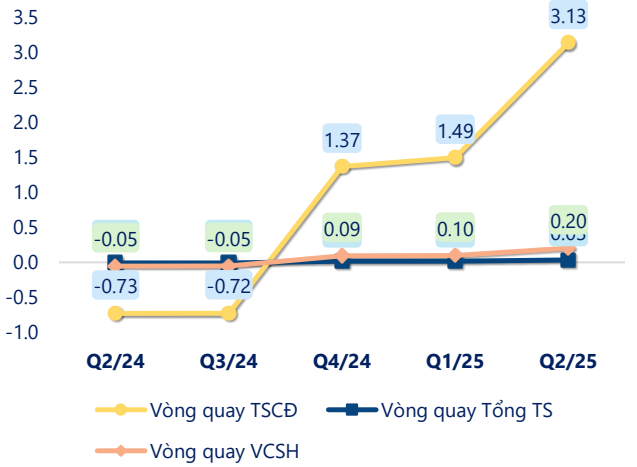
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



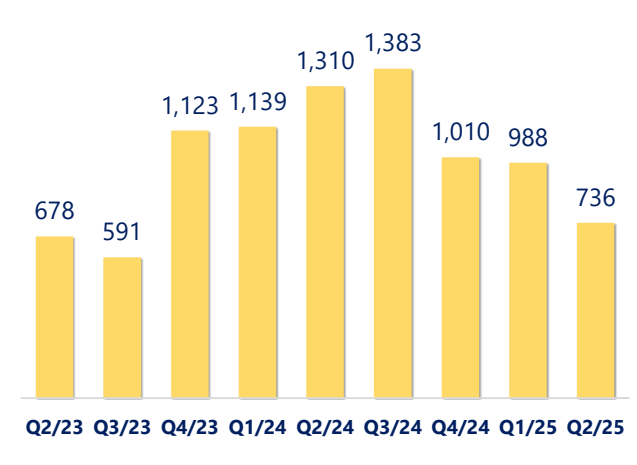
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

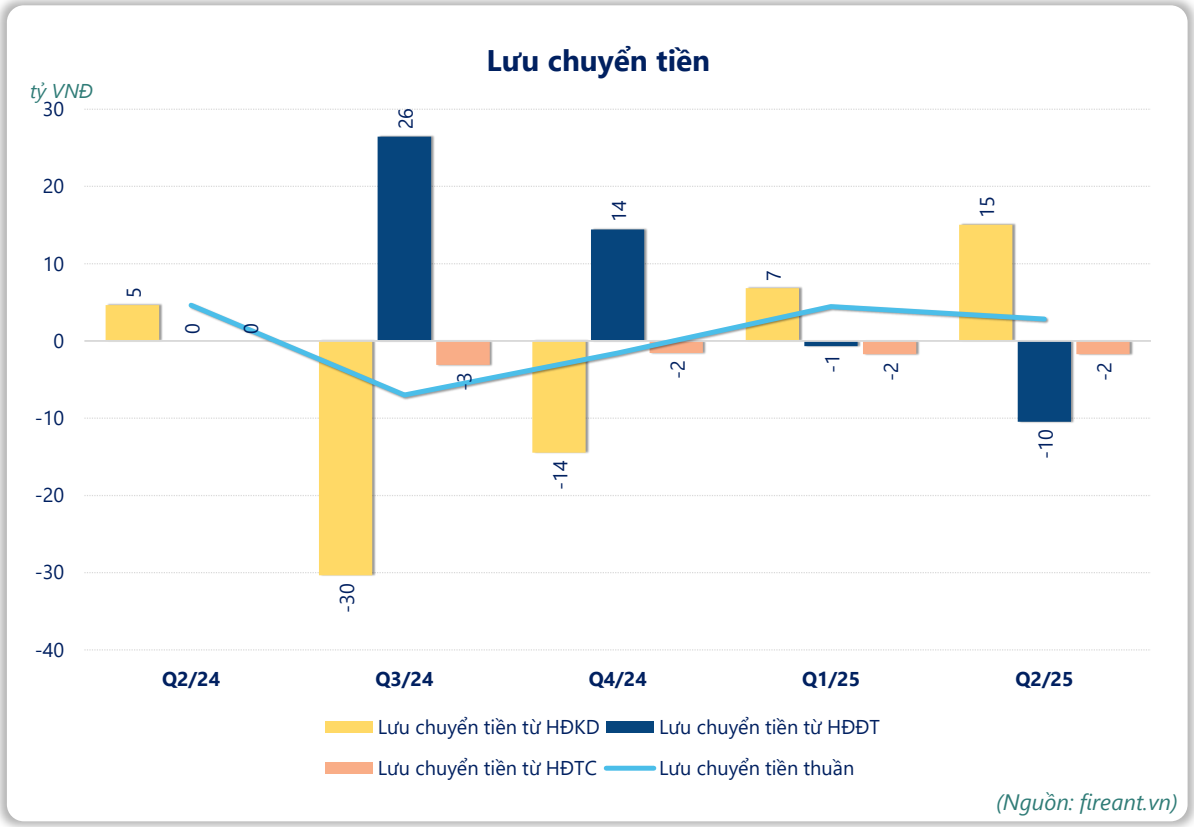


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCOM: HPI)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**23.9**	**-20.9**	**214%**	**45.4**	**-1.97**	**2406%**
Giá vốn hàng bán	15.7	-41.3	138%	28.6	-26.1	210%
Lợi nhuận gộp	8.26	20.4	-59.5%	16.8	24.1	-30.3%
Doanh thu HĐTC	6.08	6.94	-12.4%	12.6	17.5	-28.0%
Chi phí TC	0	0.16	-100%	0	0.16	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.05	0.43	144%	2.08	1.43	45.5%
Chi phí QLDN	**5.83**	**5.87**	**-0.6%**	**10.3**	**11.7**	**-11.5%**
LN thuần từ HĐKD	7.45	20.9	-64.4%	17.0	28.3	-40.0%
Lợi nhuận khác	**1.06**	**1.11**	**-4.6%**	**-0.76**	**1.14**	**-167%**
LN trước thuế	8.50	22.0	-61.3%	16.2	29.5	-44.9%
Lợi nhuận sau thuế	**6.80**	**22.0**	**-69.1%**	**13.0**	**29.5**	**-55.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.80**	**22.0**	**-69.1%**	**13.0**	**29.5**	**-55.9%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)